




CỤC HÀNG HẢI VIỆT NAM  
CẢNG VỤ HÀNG HẢI QUẢNG NINH

CẢNG VỤ HÀNG HẢI QUẢNG NINH  
TÀI LIỆU ĐƯỢC KIỂM SOÁT

**QUY TRÌNH  
THỦ TỤC TÀU BIÊN XUẤT CẢNH**

MÃ SỐ	QT.TTTT.02
LẦN BAN HÀNH	02
NGÀY BAN HÀNH	11/5/2021
TRANG	1/17

	BIÊN SOẠN	SOÁT XÉT	PHÊ DUYỆT
Chữ ký			
Họ tên	Bùi Ngọc Nam	Hoàng Song Tùng	Nguyễn Ngọc Thành
Chức danh	Phó Giám đốc	Trưởng ban ISO	Giám đốc





## QUY TRÌNH Thủ tục tàu biển xuất cảnh

MS: QT.TTTT.02  
Lần ban hành: 02  
Ngày: 11/5/2021  
Trang: 3/17

### 1. MỤC ĐÍCH

Quy trình này thống nhất biểu mẫu, trình tự thủ tục hành chính cho tàu biển xuất cảnh, rời các khu vực hàng hải thuộc cảng biển Quảng Ninh, nhằm nâng cao trách nhiệm thực thi công vụ, rút ngắn thời gian làm thủ tục, tạo thuận lợi tối đa cho các tổ chức và cá nhân liên quan.

### 2. PHẠM VI ÁP DỤNG

Quy trình này áp dụng cho các phòng Thủ tục tàu thuyền, Tài vụ, các đại diện Cảng vụ Hàng hải Quảng Ninh tại Cẩm Phả, Móng Cái, Quảng Yên và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến thực hiện thủ tục hành chính cho tàu biển xuất cảnh, rời các khu vực hàng hải thuộc cảng biển Quảng Ninh.

### 3. CƠ SỞ PHÁP LÝ VÀ TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bộ luật Hàng hải Việt Nam số 95/2015/QH13 ngày 25/11/2015.
- Các Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, các Hiệp định, thỏa thuận, mà Việt Nam tham gia hoặc ký kết.
- Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải.
- Nghị định số 142/2017/NĐ-CP ngày 11/12/2017 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải.
- Thông tư số 31/2016/BGTVT ngày 31/10/2016 của Bộ Giao thông vận tải Quy định về tổ chức và hoạt động của Cảng vụ hàng hải.
- Thông tư 01/2018/TT-BGTVT ngày 03/01/2018 của Bộ Giao thông vận tải công bố vùng nước cảng biển địa phận tỉnh Quảng Ninh và khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Quảng Ninh.
- Thông tư 03/2020/TT-BGTVT ngày 21/02/2020 của Bộ Giao thông vận tải quy định về tiêu chuẩn chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn, đào tạo, huấn luyện thuyền viên và định biên an toàn tối thiểu của tàu biển Việt Nam.
- Quyết định số 599 QĐ/TCCB-LĐ ngày 06/4/1991 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải - Bưu điện (nay là Bộ Giao thông vận tải) về việc thành lập Cảng vụ Quảng Ninh (nay là Cảng vụ Hàng hải Quảng Ninh).
- Quyết định 1568 QĐ/CHHVN ngày 10/10/2017 của Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam quy định về cơ cấu tổ chức của Cảng vụ Hàng hải Quảng Ninh.
- Quyết định số 655/QĐ-CVHHQN ngày 24/10/2017 của Giám đốc Cảng vụ Hàng hải Quảng Ninh ban hành chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của các

	<b>QUY TRÌNH</b> <b>Thủ tục tàu biển xuất cảnh</b>	<b>MS: QT.TTTT.02</b> <b>Lần ban hành: 02</b> <b>Ngày: 11/5/2021</b> <b>Trang: 4/17</b>
---	---	--

bộ phận chuyên môn nghiệp vụ, đại diện, trạm thuộc Cảng vụ Hàng hải Quảng Ninh.

- Nội quy cảng biển Quảng Ninh được ban hành kèm theo Quyết định số 89/QĐ-CVHHQN ngày 02/02/2018 của Giám đốc Cảng vụ Hàng hải Quảng Ninh.

#### **4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT**

##### **4.1 Định nghĩa và giải thích từ ngữ**

- Định nghĩa: Không áp dụng.
- Giải thích từ ngữ:

+ *Người làm thủ tục*: Là chủ tàu hoặc người quản lý tàu, người thuê tàu, người khai thác tàu, thuyền trưởng hoặc người được ủy quyền thực hiện việc khai báo và làm thủ tục theo quy định tại Nghị định số 58/2017/NĐ-CP với Cảng vụ Hàng hải Quảng Ninh;

+ *Người giải quyết thủ tục*: Là công chức, viên chức của phòng Thủ tục tàu thuyền, Đại diện Cảng vụ Hàng hải Quảng Ninh tại Cẩm Phả, Móng Cái và Quảng Yên chịu trách nhiệm tiếp nhận, tham mưu, giải quyết những công việc liên quan đến thủ tục tàu biển nhập cảnh;

+ *Người có thẩm quyền*: Là Giám đốc Cảng vụ Hàng hải Quảng Ninh hoặc người được Giám đốc Cảng vụ Hàng hải Quảng Ninh ủy quyền theo quy định của pháp luật.

##### **4.2 Chữ viết tắt**

NĐ58: Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải.

NCTQ: Người có thẩm quyền.

#### **5. NỘI DUNG**

##### **5.1 Lưu đồ (Xem trang sau)**



**QUY TRÌNH**  
**Thủ tục tàu biển xuất cảnh**

MS: QT.TTTT.02  
Lần ban hành: 02  
Ngày: 11/5/2021  
Trang: 5/17

Bước công việc	Trách nhiệm	Trình tự	Biểu mẫu, tài liệu liên quan
Bước 1	Người làm thủ tục	Thông báo tàu biển rời cảng	Điều 81, 83 và Khoản 2 Điều 87, NĐ58; BM.TTTT.02 - Mẫu 01;
Bước 2	Người làm thủ tục; Người giải quyết thủ tục	Nộp, xuất trình giấy tờ, tài liệu tàu biển	Điều 81, 83 và 90 NĐ58; BM.TTTT.02 - Mẫu 02, 03, 04 và 05;
Bước 3	Người giải quyết thủ tục	Kiểm tra giấy tờ, tài liệu tàu biển	Điều 81, 83 và 90 NĐ58; BM.TTTT.02 - Mẫu 02, 03, 04 và 05;
Bước 4	Người có thẩm quyền	Cấp Giấy phép rời cảng	Điều 81, Điều 83 và 90 NĐ58; BM.TTTT.02 - Mẫu 06;
Bước 5	Người giải quyết thủ tục	Lưu hồ sơ	Theo quy định của cơ quan

## 5.2 Thuyết minh lưu đồ

### 5.2.1 Đối với thực hiện thủ tục điện tử

#### Bước 1. Thông báo tàu biển rời cảng

Chậm nhất 02 giờ trước khi tàu biển rời cảng, người làm thủ tục gửi nội dung Thông báo tàu rời cảng cho Cảng vụ Hàng hải Quảng Ninh qua Cổng thông tin một cửa quốc gia.



**QUY TRÌNH**  
**Thủ tục tàu biển xuất cảnh**

MS: QT.TTTT.02  
Lần ban hành: 02  
Ngày: 11/5/2021  
Trang: 6/17

Nội dung Thông báo tàu rời cảng theo Biểu mẫu BM.TTTT.02 - Mẫu 01.

Trong trường hợp nhận được thông tin từ người làm thủ tục về việc không thể gửi thông tin qua Cổng thông tin một cửa quốc gia do nguyên nhân khách quan, người giải quyết thủ tục kiểm tra, quyết định để người làm thủ tục thực hiện việc thông báo tàu rời cảng theo thủ tục giấy (Bước 1, Mục 5.2.2)

**Bước 2. Nộp, xuất trình giấy tờ, tài liệu tàu**

Chậm nhất 02 giờ trước khi tàu biển rời cảng; riêng tàu chở khách và tàu chuyên tuyến, chậm nhất ngay trước thời điểm tàu biển dự kiến rời cảng, người làm thủ tục nộp, xuất trình các giấy tờ, tài liệu dưới đây:

- **Các giấy tờ phải nộp:** Người làm thủ tục gửi các giấy tờ phải nộp qua Cổng thông tin một cửa quốc gia, bao gồm:

+ 01 Bản khai chung theo Biểu mẫu BM.TTTT.02 - Mẫu 02;

+ 01 Danh sách thuyền viên (nếu thay đổi so với khi đến) theo Biểu mẫu BM.TTTT.02 - Mẫu 03;

+ Danh sách hành khách (nếu thay đổi so với khi đến) theo Biểu mẫu BM.TTTT.02 - Mẫu 04;

+ Bản khai hàng hóa nguy hiểm (nếu có) theo Biểu mẫu BM.TTTT.02 - Mẫu 05.

Trong các trường hợp:

(1) Các bản khai trên gửi qua Cổng thông tin điện tử không bảo đảm điều kiện của chứng từ điện tử, hoặc

(2) Không đủ dữ liệu điện tử để kiểm tra, đối chiếu, hoặc

(3) Người làm thủ tục không thể gửi thông tin qua Cổng thông tin một cửa quốc gia do nguyên nhân khách quan,

Người giải quyết thủ tục thông báo để người làm thủ tục nộp tại địa điểm làm thủ tục theo thủ tục giấy (Bước 2, Mục 5.2.2)

- **Các giấy tờ phải xuất trình:** Người làm thủ tục gửi bản sao hồ sơ, giấy tờ cần xuất trình theo quy định và cung cấp địa chỉ trang thông tin điện tử của cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận (để xác minh khi cần thiết), cụ thể gồm những giấy tờ sau:

+ Các giấy chứng nhận của tàu (nếu thay đổi so với khi đến);

+ Chứng chỉ chuyên môn của thuyền viên (nếu có thay đổi so với khi đến);

+ Sổ thuyền viên (nếu có thay đổi thuyền viên);



## QUY TRÌNH Thủ tục tàu biển xuất cảnh

MS: QT.TTTT.02  
Lần ban hành: 02  
Ngày: 11/5/2021  
Trang: 7/17

+ Các giấy tờ liên quan đến xác nhận việc nộp phí, lệ phí, tiền phạt hoặc thanh toán các khoản nợ (nếu có) theo quy định của pháp luật.

Nếu hồ sơ, giấy tờ nêu trên không bảo đảm điều kiện của chứng từ điện tử hoặc không đủ dữ liệu điện tử để kiểm tra, đối chiếu, người giải quyết thủ tục thông báo để người làm thủ tục xuất trình tại địa điểm làm thủ tục (Bước 2, Mục 5.2.2).

### **Bước 3. Kiểm tra giấy tờ, tài liệu tàu**

Người giải quyết thủ tục tiếp nhận, kiểm tra giấy tờ, tài liệu của tàu, nếu:

- Chưa đủ hoặc chưa phù hợp thì hướng dẫn người làm thủ tục hoàn thiện giấy tờ, tài liệu theo quy định (qua chức năng “thông báo hướng dẫn doanh nghiệp bổ sung” tại phần mềm Thủ tục tàu biển).

- Quá trình làm thủ tục cho tàu biển xuất cảnh, nếu phát hiện hành vi vi phạm việc chấp hành các quy định của Nội quy cảng biển, pháp luật Việt Nam, người giải quyết thủ tục tiến hành lập biên bản, báo cáo NCTQ để xem xét và xử lý vi phạm theo quy định.

- Giấy tờ, tài liệu tàu đầy đủ, hợp lệ theo quy định, các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành phê duyệt đã hoàn thành thủ tục và tàu đủ điều kiện rời cảng theo quy định thì trong vòng không quá 01 giờ, người giải quyết thủ tục thực hiện phê duyệt hoàn thành thủ tục và chuyển NCTQ ký số Giấy phép rời cảng điện tử theo Biểu mẫu BM.TTTT.02 - Mẫu 06.

### **Bước 4. Cấp giấy phép rời cảng**

Căn cứ hồ sơ và giấy phép do người giải quyết thủ tục trình, NCTQ thực hiện ký số điện tử Giấy phép rời cảng cho tàu. Trường hợp chưa cấp Giấy phép rời cảng phải thông báo và nêu rõ lý do.

Trường hợp tàu biển đã được cấp giấy phép rời cảng mà vẫn lưu lại tại cảng quá 24 giờ kể từ thời điểm tàu biển được phép rời cảng, tàu biển đó phải thực hiện lại thủ tục xuất cảnh theo quy định.

### **Bước 5. Lưu hồ sơ**

Các hồ sơ, giấy tờ điện tử (giấy tờ phải nộp tại Bước 2) hợp lệ, bảo đảm điều kiện của chứng từ điện tử và đã được giải quyết thủ tục được lưu trữ điện tử trên Cổng thông tin một cửa quốc gia. Đối với các hồ sơ, giấy tờ phải nộp không ở dạng điện tử, người giải quyết thủ tục lưu hồ sơ, giấy tờ đó theo dạng giấy.

Người giải quyết thủ tục có trách nhiệm nhập số liệu báo cáo thống kê vào Phần mềm quản lý chỉ tiêu thống kê và danh bạ cảng biển của Cục Hàng hải Việt Nam và lưu hồ sơ theo quy định.



**QUY TRÌNH**  
**Thủ tục tàu biển xuất cảnh**

MS: QT.TTTT.02  
Lần ban hành: 02  
Ngày: 11/5/2021  
Trang: 8/17

### **5.2.2 Đối với thực hiện thủ tục giấy**

#### **Bước 1. Thông báo tàu rời cảng**

Chậm nhất 02 giờ trước khi tàu biển rời cảng, người làm thủ tục phải thông báo trực tiếp hoặc qua các phương tiện thông tin liên lạc khác đến:

- Phòng Thủ tục tàu thuyền: Nếu tàu rời vùng nước cảng biển khu vực Hòn Gai hoặc;

- Đại diện Cảng vụ Hàng hải Quảng Ninh tại Móng Cái: Nếu tàu rời vùng nước cảng biển khu vực Vạn Gia - Hải Hà hoặc;

- Đại diện Cảng vụ Hàng hải Quảng Ninh tại Cẩm Phả: Nếu tàu rời vùng nước cảng biển khu vực Mũi Chùa, Cẩm Phả - Cửa Đồi hoặc;

- Đại diện Cảng vụ Hàng hải Quảng Ninh tại Quảng Yên: Nếu tàu rời vùng nước cảng biển khu vực Quảng Yên

Nội dung Thông báo tàu rời cảng theo Biểu mẫu BM.TTTT.02 - Mẫu 01.

#### **Bước 2. Nộp, xuất trình giấy tờ, tài liệu tàu**

Chậm nhất 02 giờ trước khi tàu biển rời cảng; riêng tàu chở khách và tàu chuyên tuyến, chậm nhất ngay trước thời điểm tàu biển dự kiến rời cảng, người làm thủ tục nộp, xuất trình các giấy tờ, tài liệu dưới đây tại địa điểm làm thủ tục được quy định trong Nội quy cảng biển Quảng Ninh.

- Các giấy tờ phải nộp bao gồm (bản chính):

+ 01 Bản khai chung theo Biểu mẫu BM.TTTT.02 - Mẫu 02;

+ 01 Danh sách thuyền viên (nếu thay đổi so với khi đến) theo Biểu mẫu BM.TTTT.02 - Mẫu 03;

+ Danh sách hành khách (nếu thay đổi so với khi đến) theo Biểu mẫu BM.TTTT.02 - Mẫu 04;

+ Bản khai hàng hóa nguy hiểm (nếu có) theo Biểu mẫu BM.TTTT.02 - Mẫu 05.

- Các giấy tờ phải xuất trình bao gồm (bản chính):

+ Các giấy chứng nhận của tàu (nếu thay đổi so với khi đến);

+ Chứng chỉ chuyên môn của thuyền viên (nếu có thay đổi so với khi đến);

+ Sổ thuyền viên (nếu có thay đổi thuyền viên);

+ Các giấy tờ liên quan đến xác nhận việc nộp phí, lệ phí, tiền phạt hoặc thanh toán các khoản nợ (nếu có) theo quy định của pháp luật.





**QUY TRÌNH**  
**Thủ tục tàu biển xuất cảnh**

MS: QT.TTTT.02  
Lần ban hành: 02  
Ngày: 11/5/2021  
Trang: 9/17

**Bước 3. Kiểm tra giấy tờ, tài liệu tàu**

Người giải quyết thủ tục tiếp nhận, kiểm tra giấy tờ, tài liệu của tàu, nếu:

- Chưa đủ hoặc chưa phù hợp thì hướng dẫn người làm thủ tục bổ sung, hoàn chỉnh giấy tờ, tài liệu theo quy định.

- Quá trình làm thủ tục cho tàu biển xuất cảnh, nếu người giải quyết thủ tục phát hiện hành vi vi phạm việc chấp hành các quy định của Nội quy cảng biển, pháp luật Việt Nam, thì tiến hành lập biên bản, báo cáo NCTQ để xem xét và xử lý vi phạm theo quy định.

- Giấy tờ, tài liệu tàu đầy đủ, hợp lệ theo quy định, các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành thông báo đã hoàn thành thủ tục và tàu đủ điều kiện rời cảng theo quy định thì trong vòng không quá 01 giờ, người giải quyết thủ tục trình người có thẩm quyền Giấy phép rời cảng theo Biểu mẫu BM.TTTT.02 - Mẫu 06.

**Bước 4. Cấp phép rời cảng**

Căn cứ hồ sơ và giấy phép do người giải quyết thủ tục trình, người có thẩm quyền ký ban hành Giấy phép rời cảng cho tàu bằng giấy. Trường hợp chưa cấp Giấy phép rời cảng phải thông báo và nêu rõ lý do.

Trường hợp tàu biển đã được cấp giấy phép rời cảng mà vẫn lưu lại tại cảng quá 24 giờ kể từ thời điểm tàu biển được phép rời cảng, tàu biển đó phải thực hiện lại thủ tục xuất cảnh theo quy định.

**Bước 5. Lưu hồ sơ**

Người giải quyết thủ tục có trách nhiệm nhập số liệu báo cáo thống kê vào Phần mềm quản lý chỉ tiêu thống kê và danh bạ cảng biển của Cục Hàng hải Việt Nam và lưu hồ sơ theo quy định.

**6. BIỂU MẪU**

<b>TT</b>	<b>Mã hiệu</b>	<b>Tên Biểu mẫu</b>
1	BM.TTTT.02 - Mẫu 01	Thông báo tàu rời cảng
2	BM.TTTT.02 - Mẫu 02	Bản khai chung
3	BM.TTTT.02 - Mẫu 03	Danh sách thuyền viên
4	BM.TTTT.02 - Mẫu 04	Danh sách hành khách
5	BM.TTTT.02 - Mẫu 05	Bản khai hàng hoá nguy hiểm
6	BM.TTTT.02 - Mẫu 06	Giấy phép rời cảng



QUY TRÌNH  
Thủ tục tàu biển xuất cảnh

MS: QT.TTTT.02  
Lần ban hành: 02  
Ngày: 11/5/2021  
Trang: 10/17

## 7. HỒ SƠ LƯU

### 7.1. Đối với thực hiện thủ tục điện tử

TT	Hồ sơ lưu	Ghi chú
1	Thông báo tàu rời cảng	Được lưu trên Cổng TTMCQG
2	Bản khai chung	Được lưu trên Cổng TTMCQG
3	Danh sách thuyền viên (nếu có thay đổi so với khi đến)	Được lưu trên Cổng TTMCQG
4	Danh sách hành khách (nếu có thay đổi so với khi đến)	Được lưu trên Cổng TTMCQG
5	Bản khai hàng hoá nguy hiểm (nếu có)	Được lưu trên Cổng TTMCQG
6	Giấy phép rời cảng đã cấp	Được lưu trên Cổng TTMCQG
7	Các giấy tờ, tài liệu khác (nếu có)	Được lưu trên Cổng TTMCQG hoặc dạng giấy

Hồ sơ dạng giấy được lưu tại đơn vị làm thủ tục theo quy định

### 7.2. Đối với thực hiện thủ tục giấy

TT	Hồ sơ lưu
1	Thông báo tàu rời cảng
2	Bản khai chung
3	Danh sách thuyền viên (nếu có thay đổi so với khi đến)
4	Danh sách hành khách (nếu có thay đổi so với khi đến)
5	Bản khai hàng hoá nguy hiểm (nếu có)
6	Cuống Giấy phép rời cảng
7	Các giấy tờ, tài liệu khác (nếu có)

Hồ sơ được lưu tại đơn vị làm thủ tục theo quy định



**QUY TRÌNH**  
**Thủ tục tàu biển xuất cảnh**

**MS: QT.TTTT.02**  
**Lần ban hành: 02**  
**Ngày: 11/5/2021**  
**Trang: 11/17**

**Biểu mẫu BM.TTTT.02 - Mẫu 01**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
Socialist Republic of Vietnam  
Independence - Freedom - Happiness

**THÔNG BÁO TÀU RỜI CẢNG**  
**NOTICE OF CLEARANCE OF VESSEL AT THE PORT**

1. Tên và loại tàu: Name and type of ship		4. Cảng rời Port of clearance		5. Thời gian rời Time of clearance				
2. Số IMO: IMO number								
3. Hồ hiệu: Call sign								
6. Quốc tịch tàu Flag State of ship		7. Tên thuyền trưởng Name of master		8. Cảng rời cuối cùng/cảng đích: Last port of call/port of destination				
9. Giấy chứng nhận đăng ký (Số, ngày cấp, cảng) Certificate of registry (Number, date of issue, and Port)				10. Tên và địa chỉ của chủ tàu Name and address of the shipowners				
11. Chiều dài lớn nhất LOA		12. Chiều rộng Breadth		13. Chiều cao tính không Clearance height		14. Mớn nước thực tế Shown draft		
15. Tổng dung tích GT		16. Trọng tải toàn phần DWT		17. Đại lý của chủ tàu tại Việt Nam (nếu có) Name of the shipowners' agents in Viet Nam (if any)				
18. Thông tin hàng hóa 18.1. Loại, tên, số lượng và đơn vị tính hàng hóa xếp tại cảng Kind, name, quantity and unit of cargo on board 18.2. Loại, tên, số lượng và đơn vị tính hàng hóa dỡ tại cảng Kind, name, quantity and unit of cargo discharging at port 18.3. Loại, tên, số lượng và đơn vị tính hàng hóa trên tàu trước khi rời cảng Kind, name, quantity and unit of cargo on board before leaving								
19. Số thuyền viên (gồm cả thuyền trưởng): Number of crew (incl. Master)			20. Số hành khách Number of passengers		22. Ghi chú: Remarks			
21. Những người khác trên tàu Other persons on board								

..., ngày ... tháng ... năm 20...  
Date .....  
**Thuyền trưởng (hoặc đại lý)**  
Master (or authorized agent)



**QUY TRÌNH**  
**Thủ tục tàu biển xuất cảnh**

**MS: QT.TTTT.02**  
**Lần ban hành: 02**  
**Ngày: 11/5/2021**  
**Trang: 12/17**

**Biểu mẫu BM.TTTT.02 - Mẫu 02**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
Socialist Republic of Vietnam  
Independence - Freedom - Happiness

**BẢN KHAI CHUNG**  
**GENERAL DECLARATION**

		Đến Arrival	Rời Departure	
1.1 Tên và loại tàu: Name and type of ship		2. Cảng đến/rời Port of arrival/departure	3. Thời gian đến/rời cảng Date - time of arrival/departure	
1.2 Số IMO: IMO number				
1.3 Hồ hiệu: Call sign				
1.4 Số chuyến đi: Voyage number				
4. Quốc tịch tàu: Flag State of ship	5. Tên thuyền trưởng: Name of master	6. Cảng rời cuối cùng/cảng đích: Last port of call/next port of call		
7. Giấy chứng nhận đăng ký (Số, ngày cấp, cảng): Certificate of registry (Port, date; number)		8. Tên và địa chỉ liên lạc của người làm thủ tục: Name and contact details of the procedurer		
9. Tổng dung tích: Gross tonnage	10. Dung tích có ích: Net tonnage			
11. Vị trí tàu tại cảng: Position of the ship in the port (berth or station)				
12. Đặc điểm chính của chuyến đi: Brief particulars of voyage  Các cảng trước: Previous ports of call  Các cảng sẽ đến: Subsequent ports of call  Các cảng sẽ dỡ hàng: Ports where remaining cargo will be discharged  Số hàng còn lại: Remaining cargo				
13. Thông tin về hàng hóa vận chuyển trên tàu: Description of the cargo				
Loại hàng hóa Kind of cargo	Tên hàng hóa Cargo name	Số lượng hàng hóa The quantity of cargo	Đơn vị tính Unit	
Thông tin về hàng hóa quá cảnh Description of the cargo in transit				
Loại hàng Kind of cargo	Tên hàng hóa Cargo name	Số lượng hàng hóa The quantity	Số lượng hàng hóa quá cảnh xếp dỡ	Đơn vị tính Unit



**QUY TRÌNH**  
**Thủ tục tàu biển xuất cảnh**

MS: QT.TTTT.02  
Lần ban hành: 02  
Ngày: 11/5/2021  
Trang: 13/17


		of cargo	tại cảng The quantity of cargo in transit loading, discharging	
14. Số thuyền viên (gồm cả thuyền trưởng) Number of crew (incl. master)	15. Số hành khách Number of passenger	16. Ghi chú (Mớn nước mũi, lái, trọng tải toàn phần, chiều dài lớn nhất, chiều rộng lớn nhất, chiều cao tĩnh không) và các thông tin cần thiết khác (nếu có).		
Tài liệu đính kèm (ghi rõ số bản) Attached documents (indicate number of copies)		Remarks (Draft, DWT, LOA, Breadth, Clearance height) and others (If any)		
17. Bản khai hàng hóa: Cargo Declaration	18. Bản khai dự trữ của tàu Ship's Stores Declaration			
19. Danh sách thuyền viên Crew List	20. Danh sách hành khách Passenger List	21. Yêu cầu về phương tiện tiếp nhận và xử lý chất thải The ship's requirements in terms of waste and residue reception facilities		
22. Bản khai hành lý thuyền viên(*) Crew's Effects Declaration(*)	23. Bản khai kiểm dịch y tế(*) Maritime Declaration of Health(*)			
24. Mã số Giấy phép rời cảng (*) Number of port clearance				

..., ngày ... tháng ... năm 20...

Date .....

**Thuyền trưởng (đại lý hoặc sỹ quan được ủy quyền)**  
Master (or authorized agent or officer)

(\*) Mục này chỉ khai khi tàu đến cảng  
only on arrival

 <p><b>VINAMARINE</b> CÁNG VỤ HÀNG HẢI QUẢNG NINH</p>	<p><b>QUY TRÌNH</b> <b>Thủ tục tàu biển xuất cảnh</b></p>	<p><b>MS: QT.TTTT.02</b> <b>Lần ban hành: 02</b> <b>Ngày: 11/5/2021</b> <b>Trang: 14/17</b></p>
--	---	---

**Biểu mẫu BM.TTTT.02 - Mẫu 03**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Socialist Republic of Vietnam

Independence - Freedom - Happiness

-----

**DANH SÁCH THUYỀN VIÊN**

**CREW LIST**

		Đến Arrival			Rời Departure	Trang số: Page No:
1.1 Tên tàu: Name of ship		2. Cảng đến/rời: Port of arrival/departure		3. Ngày đến/rời: Date of arrival/departure		
1.2 Số IMO: IMO number		1.3 Hồ hiệu: Call sign		1.4 Số chuyến đi: Voyage number		
4. Quốc tịch tàu: Flag State of ship			5. Cảng rời cuối cùng: Last port of call			
STT No.	Họ và tên Family name, given name	Chức danh Rank of rating	Quốc tịch Nationality	Ngày và nơi sinh Date and place of birth	Loại và Số giấy tờ nhận dạng (Hộ chiếu của thuyền viên) Nature and No. of identity document (seaman's passport)	

....., ngày ..... tháng .... năm 20 ...

Date.....

**Thuyền trưởng (Đại lý hoặc sỹ quan được ủy quyền)**

Master (Authorized agent or officer)



**QUY TRÌNH**  
**Thủ tục tàu biển xuất cảnh**

**MS: QT.TTTT.02**  
**Lần ban hành: 02**  
**Ngày: 11/5/2021**  
**Trang: 15/17**


**Biểu mẫu BM.TTTT.02 - Mẫu 04**  
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
Socialist Republic of Vietnam  
Independence - Freedom - Happiness

**DANH SÁCH HÀNH KHÁCH**  
**PASSENGER LIST**

	Đến Arrival		Rời Departure	Trang số: Page No:			
1.1 Tên tàu: Name of ship	2. Cảng đến/rời: Port of arrival/departure		3. Ngày đến/rời: Date of arrival/departure				
1.2 Số IMO: IMO number	1.3 Hồ hiệu: Call sign		1.4 Số chuyến đi: Voyage number				
4. Quốc tịch tàu: Flag State of ship							
Họ và tên Family name, given name	Quốc tịch Nationality	Ngày và nơi sinh Date and place of birth	Loại Hộ chiếu Type of identity or travel document	Số hộ chiếu Serial number of identity or travel document	Cảng lên tàu Port of embarkation	Cảng rời tàu Port of disembarkation	Hành khách quá cảnh hay không Transit passenger or not

....., ngày ... tháng .... năm 20 ...  
Date.....

**Thuyền trưởng (Đại lý hoặc sỹ quan được ủy quyền)**  
Master (Authorized agent or officer)

 <p><b>VINAMARINE</b> CÁNG VỤ HÀNG HẢI QUẢNG NINH</p>	<p><b>QUY TRÌNH</b> <b>Thủ tục tàu biển xuất cảnh</b></p>	<p><b>MS: QT.TTTT.02</b> <b>Lần ban hành: 02</b> <b>Ngày: 11/5/2021</b> <b>Trang: 16/17</b></p>
--	---	---

**Biểu mẫu BM.TTTT.02 - Mẫu 05**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Socialist Republic of Vietnam

Independence - Freedom - Happiness

**BẢN KHAI HÀNG HÓA NGUY HIỂM**  
**DANGEROUS GOODS MANIFEST**

- |                                    |                                      |  |   |
|------------------------------------|--------------------------------------|--|---|
| 1.1 Tên tàu<br>Name of ship        | 1.2 Số IMO<br>IMO Number             | 2. Quốc tịch tàu<br>Flag state of ship | 1.5 Tên thuyền trưởng:<br>Master's Name |
| 1.3 Hô hiệu<br>Call sign           | 3. Cảng nhận hàng<br>Port of loading | 4. Cảng trả hàng<br>Port of discharge  | 1.6 Đại lý tàu biển:<br>Shipping Agent  |
| 1.4 Số chuyến đi:<br>Voyage number |                                      |  |   |

5. Hợp đồng vận chuyển hàng hóa và mã số tham chiếu Booking/ reference number	6. Ký hiệu và số kiện container Marks & numbers container Id. NO(s) Vehicle Reg. No(s).	7. Số và loại bao kiện Number and kind of packages	8. Cty vận chuyển Proper shipping name	9. Loại hàng hóa Class	10. Số UN UN number	11. Nhóm hàng Packing group	12. Nhóm phụ số Subsidiary risk(s)	13. Điểm bốc cháy Flash point (In oC, c.c.)	14. Ô nhiễm biển Marine pollutant	15. Tổng khối lượng Mass (kg) Gross/Net	16. EmS
Thông tin bổ sung: Additional Information											

....., ngày ... tháng .... năm 20 ...

Date.....

**Thuyền trưởng (Đại lý hoặc sỹ quan được ủy quyền)**  
Master (Authorized agent or officer)



**Biểu mẫu BM.TTTT.02 - Mẫu 06**

<p><b>CỤC HÀNG HẢI VIỆT NAM CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM</b> Cảng vụ hàng hải..... <b>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</b> -----</p> <p><b>GIẤY PHÉP RỜI CẢNG</b> <b>PORT CLEARANCE</b></p> <p>Giấy phép rời cảng số:..... Tên tàu:..... Quốc tịch tàu:..... Dung tích toàn phần:..... Số lượng thuyền viên:..... Số lượng hành khách:..... Hàng hóa trên tàu:..... Hàng hóa quá cảnh:..... Rời cảng hồi.....giờ.....ngày.....tháng.....năm..... Có hiệu lực đến.....giờ.....ngày.....tháng.....năm..... Cảng đến..... Cấp.....giờ.....ngày...../...../.....</p> <p><b>GIÁM ĐỐC</b></p>	<p><b>CỤC HÀNG HẢI VIỆT NAM CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM</b> Vietnam Maritime Administration <b>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</b> Cảng vụ hàng hải..... The Maritime Administration Socialist Republic of Vietnam of..... Independence - Freedom - Happiness -----</p> <p><b>GIẤY PHÉP RỜI CẢNG</b> <b>PORT CLEARANCE</b></p> <p>Tên tàu:..... Quốc tịch tàu:..... Hồ hiệu:..... Name of ship Flag State of ship Call sign</p> <p>Dung tích toàn phần:.....Tên thuyền trưởng:..... Gross tonnage Name of master</p> <p>Số lượng thuyền viên:.....Số lượng hành khách:..... Number of crews Number of passenger</p> <p>Hàng hóa trên tàu:..... Cargo</p> <p>Hàng hóa quá cảnh:..... Transit cargo</p> <p>Thời gian rời cảng:.....giờ.....ngày.....tháng.....năm..... Time of departure Date</p> <p>Cảng đến:..... Next port of call</p> <p>Giấy phép rời cảng này có hiệu lực đến...giờ...ngày...tháng...năm... This port clearance is valid until</p> <p>Giấy phép số:...../CV..... N<sup>o</sup></p> <p>Ngày.....tháng.....năm 20.... Date..... <b>GIÁM ĐỐC</b> Director</p>
--	---